

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/03/2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Kim Phượng.

2. Bà Hoàng Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Anh - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/11/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy T; sinh năm 2000;

Nơi ĐKKHKT: số nhà 79, phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;
Địa chỉ hiện nay: thôn Y, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: Anh Phạm Tùng D; sinh năm 1998

Địa chỉ: số nhà 79, phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: chị Trang vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Tùng D được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường N ngày 13/03/2021. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc đến háng 8/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, anh D chơi bời nợ nần, không chịu lao động lo cho gia đình, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Trong những lần cãi vã, anh D thậm chí còn đánh chửi chị thậm tệ. Chị xác định mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và trầm trọng, nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không quan hệ tình cảm, cũng

không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị thấy tình cảm của chị và anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

* Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là cháu Phạm Anh T1, sinh ngày 05/12/2021. Hiện nay, cháu T1 đang ở với chị, khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án cho chị được nuôi cháu T1 vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/ tháng.

* Về tài sản chung, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại bản tự khai ngày 08/12/2022, bị đơn anh Phạm Tùng D trình bày:*

* Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thùy T đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 13/3/2021 tại UBND phường N, chúng tôi chung sống hạnh phúc với nhau không có bất kỳ cãi vã, mâu thuẫn nào. Nhưng do anh làm ăn thua lỗ chị T luôn tìm cách lạnh nhạt thờ ơ với gia đình, tìm mọi lý do để bỏ anh mặc dù anh không làm gì sai trái. Vợ chồng đã được bố mẹ giúp đỡ động viên tìm cách giải quyết nhưng chị T không chịu nghe lời, không chịu cùng anh vượt qua khó khăn vực lại kinh tế gia đình. Anh đề nghị tòa án giải quyết theo đơn ly hôn do hai chúng tôi đã thỏa thuận.

* Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Phạm Anh T1, sinh ngày 05/12/2021, anh chị đã thỏa thuận chị Trần Thị Thùy T nuôi cháu đến khi cháu T1 đủ 36 tháng tuổi. Từ tháng thứ 37 do anh trực tiếp nuôi dưỡng.

* Về tài sản chung, công nợ chung: anh D không có ý kiến trình bày gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng anh D không đến và không có ý kiến gì khác. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật;

- Nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn: không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS (không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại phiên tòa).

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy T. Cho chị Trần Thị Thùy T được ly hôn với anh Phạm Tùng D

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Anh T1, sinh ngày 05/12/2021 cho chị Trần Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc nuôi, dưỡng giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị Thùy T phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N theo Biên lai số AA/2021/0000975 ngày 15/11/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền quyền giải quyết vụ án: vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; bị đơn anh Phạm Tùng D cư trú tại phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: chị Trần Thị Thùy T là nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Phạm Tùng D là bị đơn mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy T và anh Phạm Tùng D có đăng ký kết hôn ngày 13/03/2021 tại UBND phường N, thành phố N, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh D chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn;

Chị Tr cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh D chơi bời nợ nần, không chịu lao động lo cho gia đình, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Trong những lần cãi vã, anh D thậm chí còn đánh chửi chị thậm tệ. Chị T xác định tình cảm của chị và anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Anh D xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau không có bất kỳ cãi vã, mâu thuẫn nào. Nhưng do anh làm ăn thua lỗ chị T luôn tìm cách lạnh nhạt thờ ơ với gia đình, tìm mọi lý do để bỏ anh mặc dù anh không làm gì sai trái. Mặc dù vợ chồng đã được bố mẹ giúp đỡ động viên tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Đồng thời anh đề nghị giải quyết theo đơn ly hôn do hai bên đã thỏa thuận.

Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện sau khi kết hôn chị T và anh D chung sống với bố mẹ anh D tại phố P, phường N từ tháng 03/2021. Đến cuối năm 2021 chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở N sinh sống đến

nay, không sinh hoạt tại phố P, phường N, không khai báo với chính quyền địa phương. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh D tổ dân phố không nắm được, giai đình không phản ánh về bất hòa của vợ chồng chị T và anh D.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại bản tự khai của anh D anh đề nghị giải quyết theo đơn ly hôn do hai bên đã thỏa thuận. Tuy nhiên ngoài lời khai trình bày của anh D các đương sự không giao nộp cho Tòa án biên bản thỏa thuận nào khác; Mặt khác anh D cũng không đến Tòa án làm việc hay trình bày ý kiến nguyện vọng của mình, không tham gia phiên hòa giải do Tòa án triệu tập.

Như vậy, có thể khẳng định: mâu thuẫn giữa chị T và anh D đã trầm trọng, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh D và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là cháu Phạm Anh T1, sinh ngày 05/12/2021. Hiện nay, cháu T1 đang ở với chị, khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án cho chị được nuôi cháu T1 vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị. Tại bản tự khai anh D cũng xác định anh và chị T1 có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Anh xác định vợ chồng đã thỏa thuận chị T nuôi cháu T1 đến khi cháu T1 đủ 36 tháng tuổi, từ tháng thứ 37 anh sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Tuy nhiên ngoài lời khai trình bày của anh D, các đương sự không giao nộp cho Tòa án biên bản thỏa thuận nào khác, do đó thỏa thuận trên không có căn cứ. Cháu Phạm Anh T1, sinh ngày 05/12/2021 đến thời điểm xét xử chưa đủ 36 tháng tuổi, do đó cần giao cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung đây là sự tự nguyện của đương sự cần chấp nhận.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị T trình bày không có, anh D không có ý kiến gì; Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án Hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy T và anh Phạm Tùng D (Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: giao cháu Phạm Anh T1, sinh ngày 05/12/2021. Hiện nay cháu T1 đang ở với chị T cho chị Trần Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Anh T1 đủ 18 tuổi. Anh Phạm Tùng D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh D không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000975 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

5. Quyền kháng cáo: chị T, anh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình